

NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN ĐỊA LÍ 8

HỌC KÌ II

Bài 14: ĐÔNG NAM Á – ĐẤT LIỀN VÀ HẢI ĐẢO

1. Vị trí và giới hạn của khu vực Đông Nam Á

-Đông Nam Á gồm phần đất liền là bán đảo Trung Ấn và phần hải đảo là quần đảo Mã Lai

-Khu vực ĐNÁ là cầu nối liền giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.

- Vị trí địa lí ĐNÁ có ý nghĩa về tự nhiên, kinh tế, quân sự.

2 Đặc điểm tự nhiên

Địa hình	-Chủ yếu là núi cao, hướng B – N, TB – ĐN, các cao nguyên thấp,thung lũng sông chia cắt địa hình	-Hệ thống núi trẻ, hướng vòng cung, Đ-T, ĐB-TN; có núi lửa hoạt động -Đồng đồng nhỏ hẹp ven biển
Khí hậu	-Nhiệt đới gió mùa, bão mùa hè-thu	-Xích đạo và nhiệt đới gió mùa
Sông ngòi	-Có 5 hệ thống sông, bắt nguồn từ núi phía bắc chảy theo hướng B-N, nguồn cung cấp nước do mưa, chế độ nước theo mùa, phù sa lớn	-Sông ngắn dốc, chế độ nước điều hoà, ít giá trị giao thông có giá trị thủy điện
Cảnh quan	-Rừng nhiệt đới, rừng thưa rụng lá theo mùa, Xa van	-Rừng rập xanh quanh năm

-Khu vực ĐNÁ có nhiều tài nguyên quan trọng, đặc biệt là dầu mỏ, khí đốt.

CÂU HỎI CÙNG CỐ

-Dựa vào tập bản đồ xác định vị trí và ý nghĩa của khu vực ĐNÁ?

.....

.....

.....

.....

-Giải thích sự khác nhau của gió mùa mùa hạ và mùa đông?

.....

.....

.....

.....

-Vì sao cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm chiếm diện tích khu vực ĐNÁ?

.....

.....

.....

.....

BÀI 15: ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI ĐÔNG NAM Á

1.Đặc điểm dân cư:

- Đông Nam Á là khu vực có dân số đông: **536** triệu người(**2002**)
- Dân số tăng khá nhanh.
- Dân cư ĐNÁ tập trung chủ yếu ở vùng ven biển và nông bằng châu thổ.
- Ngôn ngữ được dùng phổ biến : Tiếng Anh, Hoa, Mã lai

2.Đặc điểm xã hội

- Các nước ĐNÁ có cùng nền văn minh lúa nước trong môi trường nhiệt đới gió mùa, là cầu nối giữa đất liền và hải đảo nên phong tục tập quán có nét tương đồng và có sự đa dạng trong văn hoá của từng dân tộc
- Có cùng lịch sử đấu tranh giải phóng giành độc lập dân tộc

CÂU HỎI CÙNG CỘ

Điền vào bảng sau tên và thủ đô của các nước khu vực ĐNÁ theo diện tích từ nhỏ đến lớn, theo dân số từ ít đến nhiều? Việt Nam đứng ở vị trí nào?

Số TT	Diện tích từ nhỏ đến lớn	Thủ đô	Dân số từ ít đến nhiều
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			

BÀI 16: ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

1. Nền kinh tế các nước ĐNÁ phát triển khá nhanh song chưa vững chắc

-Đông Nam Á là khu vực có điều kiện tự nhiên và xã hội thuận lợi cho sự tăng trưởng kinh tế

+Nguồn nhân công rẻ

+Tài nguyên phong phú

+Nhiều loại nông sản nhiệt đới

-Trong thời gian qua Đông Nam Á đã có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao. Điển hình như Xigapo, Malaixia

-Kinh tế khu vực phát triển chưa vững chắc do bị tác động từ bên ngoài

-Môi trường chưa được chú ý bảo vệ trong quá trình phát triển kinh tế

2. Cơ cấu kinh tế đang có sự thay đổi:

- Các nước ĐNÁ có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa: Tỷ trọng nông nghiệp có xu hướng giảm, tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ có xu hướng tăng.

- Nông nghiệp : Trồng nhiều lúa gạo, cây công nghiệp nhiệt đới.
- Công nghiệp : Khai thác khoáng sản, luyện kim, cơ khí , chế tạo máy, hóa chất...
- Sự phân bố các ngành sản xuất chủ yếu tập trung ở ven biển.

CÂU HỎI CÙNG CỘ

-Quan sát H16.1 cho biết khu vực Đông Nam Á có các ngành công nghiệp chủ yếu nào? Phân bố ở đâu?

.....

.....

.....

-Vì sao các nước ĐNÁ tiến hành CN hoá nhưng KT phát triển chưa vững chắc?

.....

.....

.....

Bài 17: HIỆP HỘI CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

1. Hiệp hội các nước ĐNÁ

- Thành lập 8/8/1967 có 5 thành viên
- Đến nay có 10 thành viên(Thái lan, Xingapo, Malaixia, philippin, Indônêxia, Brunây, Việt Nam, Lào, Mianma,Campuchia)
- Mục tiêu của hiệp hội các nước ĐNÁ, thay đổi theo thời gian
- Hợp tác cùng phát triển xây dựng 1 cộng đồng hoà hợp ổn định trên nguyên tắc tự nguyện tôn trọng, hợp tác toàn diện .

2. Hợp tác để phát triển KT – XH

- Các nước ĐNÁ có nhiều điều kiện thuận lợi về:TN, VH, XH để hợp tác phát triển kinh tế.
- Sự hợp tác đã đem lại nhiều hiệu quả trong KT, VH, XH mỗi quốc gia
- Sự nỗ lực phát triển KT của từng quốc gia và kết quả sự hợp tác các nước trong khu vực đã tạo ra môi trường ổn định để phát triển KT
- *Lòng ghép giáo dục:

Việt Nam có lợi khi tham gia vào ASEAN, mở rộng quan hệ hợp tác: Thể thao, Văn hoá, Du lịch

3. Việt Nam trong ASEAN

-Tốc độ mật dịch tăng nhanh

-Việt Nam tích cực tham gia mọi lĩnh vực hợp tác KT – XH, có nhiều cơ hội để phát triển KT, VH, XH song còn nhiều khó khăn cố gắng xoá bỏ

CÂU HỎI CÙNG CỘ

Thu thập thông tin về sự hợp tác của Việt Nam với các nước Đông Nam Á (từ sách báo, tạp chí, internet)

.....

.....

.....

.....

Bài 18 THỰC HÀNH : TÌM HIỂU LÀO VÀ CAM-PU-CHIA

1. Tìm hiểu đặc điểm vị trí địa lí Lào và Cam pu chia:

Quốc gia	Lào	Cam-pu-chia
Vị trí	-Diện tích: 236800km ² - Phía bắc giáp TQ, phía tây giáp Mi-an-ma, phía đông giáp VN, phía nam giáp CPC và Thái Lan => Nằm hoàn toàn trong nội địa.	Diện tích: 181000km ² - Phía tây giáp Thái Lan, phía bắc giáp Lào, phía đông giáp VN và phía tây nam giáp biển.
Giới hạn và ý nghĩa	- Liên hệ với các nước khác chủ yếu = đường bộ. Muốn đi = đường biển phải thông qua các cảng biển ở miền Trung VN (Cửa lò, Vinh, Nghệ An)	- Thuận lợi trong giao lưu với các nước trên thế giới cả = đường biển và đường bộ, đường sông.

2. Tìm hiểu điều kiện tự nhiên Lào và Cam pu chia:

3.

Quốc gia	Lào	Căm-pu-chia
Điều kiện tự nhiên	* ĐH: Chủ yếu là núi và CN chiếm 90% S cả nước. Núi chạy theo nhiều hướng, CN chạy dài từ Bắc-Nam. ĐB ở ven sông Mê-kông *KH: Nhiệt đới gió mùa, chia 2 mùa rõ rệt có 1 mùa mưa và 1 mùa khô * SN: S.Mê-kông với nhiều phụ lưu lớn nhỏ. => Khí hậu thuận lợi cho cây cối phát triển , tăng trưởng nhanh. SN có giá trị lớn về thủy lợi, thủy điện, giao thông - Khó khăn: S đất canh tác ít, mùa khô thiếu nước nghiêm trọng	* ĐH: Chủ yếu là đồng bằng, chiếm 75% S cả nước. Núi và CN bao quanh 3 mặt (Bắc, Tây,Đông) *KH: Nhiệt đới gió mùa, có 1 mùa mưa và 1 mùa khô * SN: S. Mê-kông, Tông-lê-sap, Biển Hồ => Khí hậu thuận lợi cho trồng trọt, sông ngòi có giá trị lớn về thủy lợi, giao thông và nghề cá. - Khó khăn: Lũ lụt mùa mưa, thiếu nước mùa khô.

CÂU HỎI CÙNG CỘ

Sử dụng tập bản đồ Lào và cam-pu-chia để điền vào các yêu cầu sau: Lào và cam-pu-chia giáp những nước nào? Các dạng địa hình chính, tên sông hồ...

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM

Bài 23: VỊ TRÍ, GIỚI HẠN, HÌNH DẠNG LÃNH THỔ VIỆT NAM

1. Vị trí giới hạn và lãnh thổ

a. Phần đất liền:

- Toạ độ địa lí (các điểm cực bắc, nam, đông, tây) (Bảng 23.2)
- Phạm vi : diện tích phần đất liền: 331212 km²

b. Phần biển: nằm phía đông lãnh thổ và phần biển: khoảng 1 triệu km²

c. Đặc điểm vị trí địa lí Việt Nam về mặt nhiên:

- Vị trí nội chí tuyến
- Vị trí gần trung tâm khu vực ĐNÁ
- Vị trí cầu nối giữa đất liền và biển
- Vị trí tiếp xúc của các luồng gió mùa và các luồng sinh vật

2. Đặc điểm lãnh thổ

a. Phần đất liền:

- Lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang, hình chữ S.
- Bờ biển uốn cong hình chữ S dài 3260 km

b. Phần biển:

- Mở rộng về phía đông, có nhiều đảo, quần đảo, vịnh.
- Biển Đông có ý nghĩa chiến lược đối với nước ta cả về quốc phòng lẫn kinh tế.

CÂU HỎI CÙNG CỘ

- Dựa vào tập bản đồ Địa Lí 8 em hãy tìm và xác định vị trí, giới hạn lãnh thổ nước ta?

.....

.....

.....

.....

.....

- VTĐL và hình dạng của lãnh thổ Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc ta hiện nay?

.....

.....

.....

.....

Bài 24: VÙNG BIỂN VIỆT NAM

1. Đặc điểm chung của vùng biển Việt Nam

a Diện tích, giới hạn:

- Biển Đông là biển lớn, tương đối kín, nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa ĐNÁ.
- Diện tích: 3.447.000Km

*** Đặc điểm khí hậu của biển**

- Gió trên biển mạnh hơn đất liền
- Nhiệt độ TB: 23°C , biên độ nhiệt nhỏ hơn đất liền.

*** Đặc điểm hải văn của biển:**

- Dòng biển tương ứng 2 mùa gió
 - + Dòng biển về mùa đông: ĐB – TN
 - + Dòng biển về mùa hạ: TN – ĐB
- Chế độ thủy triều phức tạp, độ sâu (Tạp triều, nhật triều)
- Độ mặn TB: $30-33^{\circ}\text{C}$

2. Tài nguyên và bảo vệ môi trường:

*** Tài nguyên biển:**

- Phong phú, đa dạng
- Có giá trị to lớn nhiều mặt

*** Bảo vệ môi trường biển:**

- Cần có kế hoạch khai thác và bảo vệ biển, tránh ô nhiễm môi trường.

CÂU HỎI CÙNG CỘ

- Dựa vào tập bản đồ Địa Lí 8 hãy tìm vị trí và nêu đặc điểm chung của vùng biển Việt Nam?

.....

.....

.....

.....

.....

- Em hãy sưu tầm tranh ảnh về hải sản và cảnh đẹp của biển Việt Nam (sưu tầm từ sách, báo, tạp chí, internet)

Bài 25: LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM

1. Lịch sử phát triển tự nhiên Việt Nam:

- 3 giai đoạn:

+Tiền Cambri

+Cổ kiến tạo

+Tân kiến tạo

2.Các giai đoạn lịch sử phát triển tự nhiên Việt Nam

a. Tiền Cambri:

-Cách đây 570 triệu năm

-Đại bộ phận nước ta toàn là biển

+Các mảng nền cổ tạo thành các điểm tựa cho sự phát triển lãnh thổ nước ta

+ Sinh vật ít và đơn giản

b.Cổ kiến tạo:

- Cách đây 65 triệu năm, kéo dài 500 triệu năm

-Có nhiều cuộc tạo núi lớn

- Phần lớn lãnh thổ trở thành đất liền
- +Tạo thành nhiều núi đá vôi, than đá miền Bắc
- +Sinh vật phát triển mạnh, thời kì cực thịnh bò sát và khủng long

c. Tân kiến tạo

- Cách đây **25 triệu năm**
- Giai đoạn ngắn rất quan trọng
- +Nâng cao địa hình :Núi, sông trẻ lại
- +Mở rộng biển Đông tạo nên các mỏ: Dầu khí, than bùn
- +Sinh vật phát triển phong phú và hoàn thiện, loài người xuất hiện.

CÂU HỎI CÙNG CỘ

- Dựa vào sơ đồ H25.1 /95 sgk, hãy cho biết mỗi giai đoạn xuất hiện những mảng nền nào?

.....

.....

.....

.....

.....

- Nêu ý nghĩa của giai đoạn Tân Kiến Tạo đối với sự phát triển lãnh thổ nước ta hiện nay?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 26: ĐẶC ĐIỂM TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

1. Việt Nam là nước giàu khoáng sản

- Khoáng sản nước ta phong phú và đa dạng.
- Phần lớn các mỏ có trữ lượng vừa và nhỏ
- Các mỏ khoáng sản có trữ lượng lớn: than, dầu mỏ, khí đốt, sắt, thiếc.....

3. Vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên khoáng sản:

- Cần thực hiện tốt luật khoáng sản để khai thác hợp lí, sử dụng tiết kiệm có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản

CÂU HỎI CÙNG CỘ

- Nêu 1 số nguyên nhân làm cạn kiệt 1 số tài nguyên khoáng sản nước ta?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Dựa vào tập bản đồ Địa Lí 8 hãy vẽ kí hiệu các mỏ khoáng sản sau đây:

Số TT	Các mỏ khoáng sản	Kí hiệu
1	Than	
2	Dầu mỏ	
3	Boxit	
4	Sắt	
5	Crom	
6	Thiếc	
7	Apatit	
8	Đá quý	

Bài 27: THỰC HÀNH

ĐỌC BẢN ĐỒ VIỆT NAM (Phần hành chính và khoáng sản)

b. Xác định tọa độ các điểm cực nước ta

-Nội dung trong bảng 23.2/84

b. Xác định tọa độ các điểm cực nước ta

-Nội dung trong bảng 23.2/84

c. Lập bản thống kê các tỉnh thành phố theo mẫu: (dựa vào tập bản đồ và vẽ vào tập bảng theo mẫu)

Số TT	Tên thành phố	Đặc điểm vị trí địa lí				
		Nội địa Campuchia	Ven biển	Có biên giới chung		
				lào	Trung Quốc	
1	An giang	X	0	0	0	X
2	Bà Rịa – vũng tàu	0	X	0	0	0

2. Đọc bản đồ khoáng sản Việt Nam

(Dựa vào tập bản đồ và vẽ vào tập bảng theo mẫu 10 loại khoáng sản)

Số	Loại k sản	Kí hiệu trên bản đồ	Phân bố các mỏ chính
1	Than	■	Quảng Ninh
2	Dầu mỏ		Thêm lục địa Vũng Tàu
3	Khí đốt		Thêm lục địa Vũng Tàu
4	Bô xít	○	Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên
5	Sắt	▲	Thái Nguyên
6	Crôm	□	Thanh Hóa
7	Thiếc	◆	Duyên Hải miền Trung
8	Titan	○	Cao Bằng
9	Apatít	▼	Lào Cai
10	Đá quý	★	Yên Bái, Nghệ An, Tây Nguyên

Bài 28: ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VIỆT NAM

1. Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam

-Địa hình Việt nam đa dạng, nhiều kiểu loại, trong đó đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ là bộ phận quan trọng nhất

-Đồng bằng chiếm diện tích 1/4 diện tích lãnh thổ

2. Địa hình nước ta được Tân kiến Tạo nâng lên và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau.

-Vận động tạo núi ở giai đoạn Tân kiến Tạo làm cho địa hình nước ta được nâng cao và phân thành nhiều bậc kế tiếp nhau

- Sự phân bố các bậc địa hình như đồi núi, đồng bằng, thềm lục địa

-Địa hình nước ta có 2 hướng chính:

TB – ĐN và vòng cung

3. Địa hình mang tính chất nhiệt đới gió mùa và chịu tác động mạnh mẽ của con người

-Đất đá trên bề mặt bị phong hoá mạnh mẽ

-Các khối núi bị cắt xẻ xâm thực xói mòn

-Làm cho địa hình biến sâu sắc là do tác động mạnh mẽ của môi trường nhiệt đới gió mùa và con người.

CÂU HỎI CÙNG CỘ

- Dựa vào tập bản đồ Địa Lí 8, em hãy tìm và cho biết tên một số hang động nổi tiếng ở nước ta?

.....

.....

.....

.....

-
-
- **Nêu đặc điểm chung của địa hình nước ta?**
-
-
-
-
-

Bài 29: ĐẶC ĐIỂM CÁC KHU VỰC ĐỊA HÌNH

- Địa hình nước ta được chia thành các khu vực : đồi núi , đồng bằng , bờ biển và thềm lục địa .

1. Khu vực đồi núi :

- Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích đất liền , kéo dài liên tục từ Bắc vào Nam và được chia thành 4 vùng : Đông Bắc , Tây Bắc , Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam .

a.Vùng núi Đông Bắc: đồi núi thấp, nằm ở tả ngạn sông Hồng nổi bật với các dãy núi cánh cung

.Địa hình cácxtơ khá phổ biến tạo nên nhiều cảnh quan đẹp và hùng vĩ: Hạ long, Hồ ba bể.

b.Vùng núi Tây bắc: nằm giữa sông Hồng và sông Cả., hùng vĩ, đồ sộ nhất nước ta , kéo dài theo hướng tây bắc – đông nam.

c.Vùng núi Trường Sơn Bắc: từ sông Cả→ dãy Bạch Mã. Là vùng núi thấp, 2 sườn không đối xứng, có nhiều nhánh núi đâm ra biển

d.Vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam là vùng đồi núi, cao nguyên hùng vĩ, lớp đất đỏ badan phủ trên các cao nguyên rộng lớn ,....

đ.Địa hình bán bình nguyên Đông Nam Bộ và vùng đồi trung du Bắc Bộ:

- Phần lớn: thềm phù sa cổ, cao 200m

- Chuyển tiếp: núi - đồng bằng.

2.Khu vực đồng bằng:

a. Đồng bằng châu thổ hạ lưu các sông lớn:

- ĐB sông Cửu Long: 40000 km²

- ĐB sông Hồng: 15000km²

→ nông nghiệp là trọng điểm và 1/2 dân số cả nước

b.Các đồng bằng duyên hải trung bộ: 15000km²

-Gồm nhiều đồng bằng nhỏ→ lớn nhất là đồng bằng Thanh Hoá: 3100km²

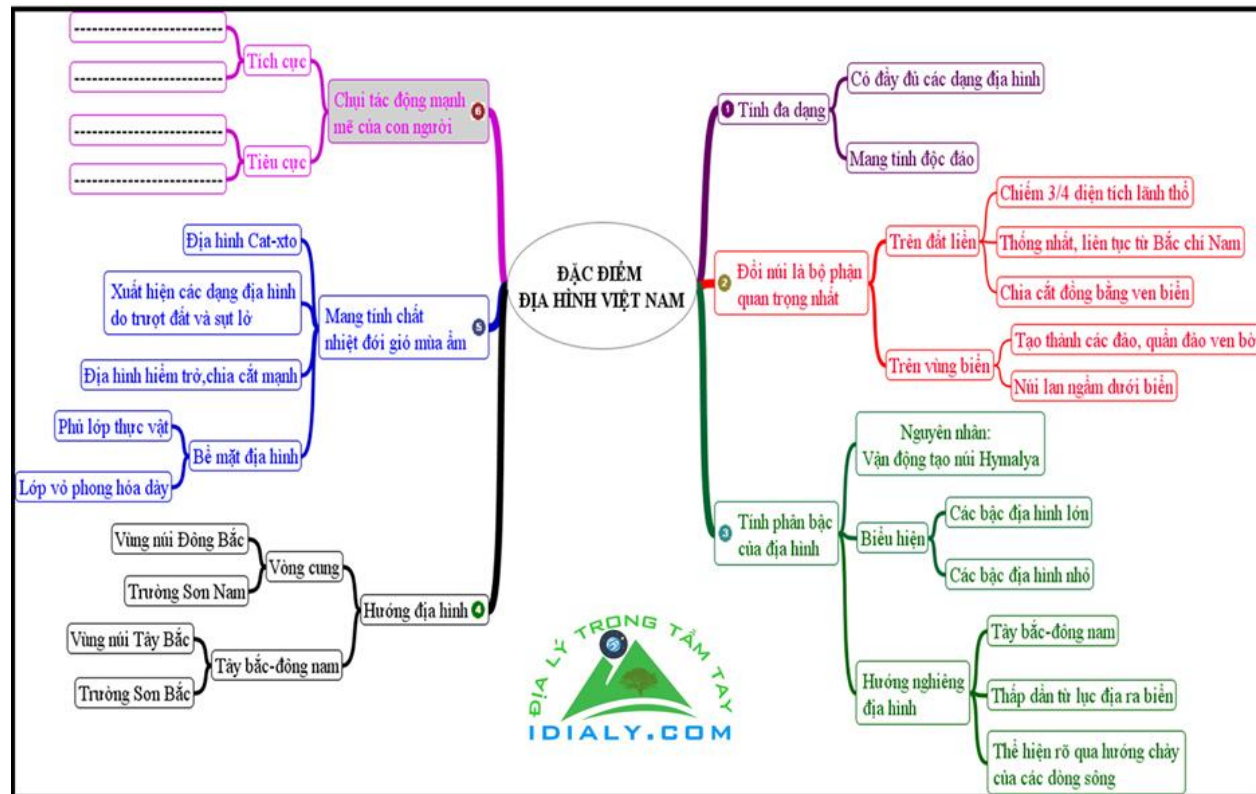
3.Địa hình bờ biển và thềm lục địa:

a. Bờ biển:

- Bờ biển dài 3260 km (từ Móng cái đến Hà Tiên), có hai dạng chính là :
 - + Bờ biển bồi tụ (sông Hồng, sông Cửu Long)
 - + Bờ biển mài mòn (chân núi, hải đảo từ Đà Nẵng đến Vũng Tàu)
- Giá trị: nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng biển, du lịch,...

b. Thềm lục địa:

- Mở rộng ở vùng biển Bắc Bộ và Nam Bộ có nhiều dầu mỏ



CÂU HỎI CÙNG CỘ

- Dựa vào tập bản đồ bài 28 tìm dãy Hoàng Liên Sơn và cho biết vì sao Hoàng Liên Sơn được coi là nóc nhà của Việt Nam?
.....
.....
.....
.....
.....
.....
- Dựa vào tập bản đồ bài 28 cho biết địa hình cao nguyên badan tập trung chủ yếu ở miền nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 30: THỰC HÀNH ĐỌC BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH VIỆT NAM

1. Xác định các dạng địa hình theo vĩ tuyến 22⁰B (dựa vào tập bản đồ)

Các vùng núi đồi	Các sông lớn
1. <u>Vùng núi đồi Tây Bắc</u> -D. Pu Đen Đinh -D. Hoàng liên Sơn -D. Con Voi	-Đà -Hong -Lô
2. <u>Vuông núi đồi Đông Bắc</u> -D. Cánh cung sông gâm -D. // Ngân Sơn -D. // Bắc Sơn	-Chảy -Gâm -Kì cùng

2. Xác định và nhận xét các dạng địa hình dọc theo kinh tuyến 108⁰Đ (Từ dãy núi Bạch Mã đến bờ biển Phan Thiết)

- Cao nguyên Kon Tum: Cao 1400m có đỉnh Ngọc Linh cao: 2598m
- Cao nguyên Đắc Lắc: Cao 100m có Hồ Lắk cao: 400m
- Cao nguyên Mơ nông, Di linh cao trên 1500m
- + Địa hình có độ cao thấp khác nhau, xếp tầng có độ dốc lớn

+ đây là khu vực nền cổ bị nứt vỡ, phun trào Badan giai đoạn Tân Kiến Tạo

3. Xác định các đèo lớn dọc theo quốc lộ 1A Từ Lạng Sơn đến Cà Mau

- Đèo Sài Hồ (Lạng Sơn)
- Tam Điệp (Ninh Bình)
- Ngang (Hà Tĩnh)
- Hải Vân (Huế-TP Đà Nẵng)
- Cánh (Phú Yên-Khánh Hòa)

CÂU HỎI CÙNG CỘ

Dựa vào tập bản đồ bài 30 em hãy cho biết các đèo có ảnh hưởng tới giao thông bắc - nam như thế nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 31 ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VIỆT NAM

I. Đặc điểm khí hậu Việt Nam

1. Tính chất nhiệt đới gió mùa:

a, Tính chất nhiệt đới:

-Quanh năm nhận được lượng nhiệt dồi dào

+Số giờ nắng trong năm cao

+Số Kcalo/m²: 1 triệu

-Nhiệt độ trung bình năm trên 21⁰C và tăng dần từ bắc xuống nam

b, Tính chất gió mùa, ẩm

- Gió mùa tây nam mang lại nóng,lượng mưa lớn, ã ẩm cao vào mùa hạ
- gió mùa đông bắc mang lại nhiệt độ thấp, lạnh khô vào mùa đông
- Ấm: lượng mưa lớn 1500mm – 2000m/năm, độ ẩm không khí cao 80%

2 Tính chất đa dạng và thất thường.

a,Tính chất đa dạng

- Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm nước ta không thuần nhất, phân hoá mạnh mẽ theo không gian và thời gian, hình thành các miền và vùng khí hậu khác nhau

b.Tính thất thường:

- Nhiệt độ TB thay đổi các năm
- Lượng mưa các năm cũng khác nhau
- Năm rét sớm, năm rét muộn, năm mưa nhiều năm mưa ít, năm ít bão năm nhiều bão, gió phơn tây nam khô nóng

CÂU HỎI CÙNG CỘ

- Dựa vào tập bản đồ bài 31, em hãy cho biết những nhân tố nào làm cho thời tiết, khí hậu nước ta đa dạng và thất thường?

.....

.....

.....

.....

.....

- Em hãy sưu tầm năm câu ca dao, tục ngữ nói về khí hậu – thời tiết ở nước ta?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 32: CÁC MÙA KHÍ HẬU VÀ THỜI TIẾT NƯỚC TA

1. Gió mùa Đông Bắc từ tháng 11 đến tháng 4: (Mùa Đông)

- Thời kì thịnh hành gió mùa Đông Bắc và tín phong Đông Bắc

- Miền Bắc: Chịu ảnh hưởng trực tiếp gió mùa ĐB, đầu mùa Đông lạnh và khô, cuối mùa có mưa phun
- Miền Trung: Chịu ảnh hưởng suy yếu của gió mùa ĐB, có lượng mưa lớn cuối năm
- Miền Nam và Tây nguyên: thời tiết nóng khô ổn định, ít mưa

2. Gió mùa Tây Nam từ tháng 5 đến tháng 10: (Mùa Hạ)

-Mùa gió Tây Nam tạo nên mùa hạ nóng ẩm có mưa lớn và dông bão diễn ra phổ biến trên toàn quốc

-Mùa hạ có dạng thời tiết đặc biệt:

Gió phơn Tây Nam: nóng khô (Miền trung), mưa ngâu

-Mưa bão nước ta từ tháng 6 đến tháng 11, chậm dần từ tháng Bắc vào Nam, gây tai hại đến người và cây

-Giữa 2 mùa chính là thời kỳ chuyển tiếp, ngắn và không rõ nét là mùa xuân, thu

3. Những thuận lợi và khó khăn do thời tiết, khí hậu mang lại

-Thuận lợi:đáp ứng nhu cầu sinh thái nhiều giống loài thực vật, động vật có nguồn gốc khác nhau..., thích hợp 2,3 vụ lúa

-Khó khăn

+Mùa Đông: lạnh, khô thiếu nước

+Mùa hạ: Nóng, khô gió phơn, có bão mưa lũ, xói mòn, sâu bệnh hại...

CÂU HỎI CÙNG CỘ

- Nước ta có mấy mùa khí hậu? Nêu đặc trưng khí hậu từng mùa ở nước ta?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Trong mùa gió Đông Bắc, thời tiết và khí hậu Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ có giống nhau không? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 33 ĐẶC ĐIỂM SÔNG NGÒI VIỆT NAM

1. Đặc điểm chung:

- a. Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, được phân bố rộng khắp trong cả nước
- b. Sông ngòi nước ta chảy theo 2 hướng chính: TB – ĐN và Vòng Cung
- c. Sông ngòi nước ta có 2 mùa nước: mùa lũ và mùa cạn.
- d. Sông ngòi nước ta có hàm lượng phù sa lớn:

+Trung bình:232 g/m³

+ Tổng lượng phù sa hàng năm 200 triệu tấn

+Mùa lũ có hàm lượng phù sa lớn

2. Khai thác kinh tế và bảo vệ sự trong sạch của dòng sông

-Sông ngòi nước ta có giá trị nhiều mặt

-Biện pháp khai thác tổng hợp các dòng sông: Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, thủy sản, du lịch.....

-Biện pháp chống ô nhiễm

+Bảo vệ rừng đầu nguồn

+Xử lý tốt các nguồn rác, nước thải công nghiệp, sinh hoạt, du lịch

+Bảo vệ khai thác hợp lý các nguồn lợi tự sông

CÂU HỎI CÙNG CỘ

- Em hãy cho biết vì sao nước ta có rất nhiều sông suối, song phần lớn lại còn là các sông nhỏ, ngắn và dốc?

.....

.....

.....

.....

.....

- Dựa vào tập bản đồ bài 33, em hãy sắp xếp các sông lớn theo hai hướng Tây Bắc – Đông Nam và hướng vòng cung?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 34 CÁC HỆ THỐNG SÔNG NGÒI NƯỚC TA

I.Các hệ thống sông lớn ở nước ta

Nước ta có 9 hệ thống sông lớn và chia thành 3 vùng sông lớn

1.Sông ngòi Bắc Bộ:

- Có mạng lưới sông dạng nan quạt
- Có chế độ nước thất thường (Lũ từ tháng 6 đến tháng 10)
- Hệ thống sông chính: Sông Hồng

2.Sông ngòi Trung Bộ:

- Ngắn dốc
- Lũ vào mùa thu đông. Lũ lên rất nhanh và đột ngột.

3.Sông ngòi Nam Bộ:

- Mạng lưới sông dày
- Chế độ nước khá điều hoà (lũ từ tháng 7 đến tháng 11) chịu ảnh hưởng của thủy triều
- Sông Chính: Sông cửu Long

II. Những thuận lợi và khó khăn của sông ngòi nói vùi đời sống

1,Thuận lợi: cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp , thủy điện, nuôi trồng thủy sản, giao thông vận tải, du lịch...

2,Khó khăn:chế độ nước thất thường,gây ngập úng, lũ quét ở miền núi ...

CÂU HỎI CÙNG CỘ

- Dựa vào tập bản đồ bài 34, em hãy cho biết TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ nằm trên bờ những dòng sông nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....